

Biểu số 2

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
TỔNG SỐ										13,633,768	12,040,768	331,771	-	
A	VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ									5,236,600	4,663,600	6,280	-	
A.1	VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ TÍNH ĐẦU TƯ									3,096,600	2,523,600	6,280	-	
	<i>Dự phòng 10%</i>									<i>252,360</i>	<i>252,360</i>			
	<i>Phân bổ cho các dự án 90%</i>									<i>2,844,240</i>	<i>2,271,240</i>	<i>6,280</i>	-	
I	Quốc phòng									119,014	119,014	-	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									33,014	33,014	-	-	
1	Đường hầm sớ chỉ huy cơ bản huyện Chư Prông Sh04-GL2017	Chư Prông		2018-2022		32,409	32,409	14,400	14,400	14,914	14,914			
2	Đường hầm sớ chỉ huy cơ bản huyện Chư Păh Sh05-GL2016	Chư Păh		2018-2022		37,526	37,526	14,400	14,400	18,100	18,100			
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									86,000	86,000	-	-	
1	Đường vào căn cứ hậu cần Đak Sơ Mei, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	L=2,6km; đường giao thông nông thôn cấp B; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2022	391/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	6,000	6,000			6,000	6,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
2	Đường hầm sở chỉ huy cơ bản Sh07, tỉnh Gia Lai	Gia Lai		2023-2025	415/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	40,000	40,000			40,000	40,000			
3	Đường hầm sở chỉ huy cơ bản Sh06, tỉnh Gia Lai	Gia Lai		2023-2025	416/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	40,000	40,000			40,000	40,000			
II	Khoa học, công nghệ									70,000	70,000	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									70,000	70,000	-	-	
1	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Pleiku	Nhà đo lường thí nghiệm DTXD 181,4m ² ; nhà đặt bình chuẩn hạng 1 DTXD 78,9m ² ; nhà xe ô tô, kho đặt quả chuẩn DTXD 120m ² ; hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2021-2022	301/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 495/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			
2	Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen	Pleiku	Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động của Trung tâm bảo tồn quỹ gen; Đầu tư hoàn thiện máy móc, thiết bị còn thiếu cho Khu thực nghiệm khoa học và Công nghệ; Khu nhà bảo tồn gen và nuôi cấy mô 2 tầng DTXD 390,0m ² ; DTS 762,0m ² .	2022-2023	423/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
3	Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	Pleiku	Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ khoa học công nghệ; Đầu tư máy móc, thiết bị test kiểm tra sản phẩm; hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm; văn phòng hàng rào kỹ thuật trong thương mại; Đào tạo nhân lực tiếp nhận công nghệ thông tin ứng dụng khoa học và công nghệ, nhân lực chuyên sâu và sử dụng hệ thống quản lý; Xây dựng trang Web cơ sở dữ liệu định hướng nông nghiệp thông minh, tích hợp kết nối với các mạng tiên tiến khu vực và quốc tế; Cập nhật, bổ sung nguồn thông tin dữ liệu nông nghiệp thông minh trong nước và trên thế giới.	2023-2024	407/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			
4	Điều tra, bảo tồn một số loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Điều tra, thu thập thông tin, lập danh mục, định danh một số loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên diện tích rừng tỉnh Gia Lai; phân tích được chất một số loại dược liệu quý hiếm; xây dựng quy trình nhân giống sơ bộ một số loài thực vật quý hiếm; đề xuất giải pháp quản lý, bảo tồn một số loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh. Đầu tư mua sắm các trang thiết bị cấp cho lực lượng kiểm lâm để thực hiện công tác bảo tồn. Xây dựng Khu thực nghiệm bảo tồn nguồn gen tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng.	2023-2025	403/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	10,000	10,000			10,000	10,000			
III	Văn hóa, thông tin									13,500	13,500	-	-	
III.1	Văn hóa									13,500	13,500	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025								13,500	13,500	-	-		
1	Hệ thống âm thanh lưu động cho Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San	Pleiku	Hệ thống âm thanh di động đạt tiêu chuẩn phục vụ tối đa 10.000 người, màn hình LED outdoor 24m ²	2023	375/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	10,000	10,000		10,000	10,000				
2	Phòng trưng bày Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh	Pleiku	Cải tạo, chuyển đổi các phòng thành không gian riêng nhằm trưng bày không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên 431m ² ; Cải tạo, hoàn thiện một số phòng chức năng khác và hoàn thiện hệ thống trang, thiết bị.	2025	410/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	3,500	3,500		3,500	3,500				
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tấn								47,000	47,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025								47,000	47,000	-	-		
1	Đầu tư mới xe truyền hình lưu động chuẩn HD	Pleiku	Đầu tư mua sắm mới xe truyền hình lưu động chuẩn HD	2021	303/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 499/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	29,000	29,000		29,000	29,000				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
2	Đầu tư hệ thống thiết bị phim trường và thiết bị truyền hình	Pleiku	Đầu tư hệ thống thiết bị phim trường và thiết bị truyền hình, bao gồm: Hệ thống camera phóng viên và bộ dựng; thiết bị phim trường; thiết bị phim trường ảo; hệ thống đèn phim trường và phòng key; hệ thống âm thanh và thiết bị phụ trợ cho phim trường khán giả; hệ thống màn hình LED và thiết bị phụ trợ; vật tư phụ kiện lắp đặt và chi phí khác	2023	352/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	18,000	18,000			18,000	18,000			
V	Bảo vệ môi trường									57,000	57,000	-	-	
V.1	Môi trường									57,000	57,000	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									57,000	57,000	-	-	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Xây dựng phần mềm nghiệp vụ quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc; đào tạo và chuyển giao công nghệ quản lý, vận hành hệ thống	2021	302/NQ-HĐND ngày 25/2/2020; 1572/QĐ-SKHĐT ngày 28/5/2021	7,000	7,000			7,000	7,000			
2	Hồ thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh	Chư Păh	Đầu tư xây dựng mới hồ chứa nước bao gồm các hạng mục đập đất, tràn xả lũ, làm mới 01 cống lấy nước đầu mối, 01 cống xả nước chống hạn, đào, vét lòng hồ tăng dung tích chứa nước nhằm đảm bảo tưới cho 20 ha lúa nước đã có và tưới tăng thêm 30 ha cây trồng trong khu vực	2023-2024	368/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	50,000	50,000			50,000	50,000			
VI	Các hoạt động kinh tế									2,239,389	1,666,389	6,280	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số		NSDP	Trong đó	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
VI.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									931,772	626,257	-	-			
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									241,772	63,257	-	-			
1	Hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Plei Thor Ga, xã Chư Don, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	Hồ chứa nước dung tích 10,54 triệu m ³ gồm cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước; hệ thống kênh và công trình trên kênh chính, kênh nhánh và công trình phụ trợ	2018-2021	614/QĐ-UBND ngày 08/6/2018; 454/QĐ-UBND ngày 04/4/2019; 340/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	229,000	68,409	203,129	42,538	25,871	25,871					
2	Các dự án bảo vệ và phát triển rừng	Các huyện, thị xã, thành phố	Bảo vệ và phát triển rừng bền vững	2011-2020 kéo dài 2023	1067/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 1068/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 1072/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 109/QĐ-SKHĐT ngày 20/10/2017; 853/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 và 83/QĐ-SKHĐT	105,042	30,459	80,403	14,519	11,560	11,560					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số		NSDP	Trong đó	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
3	Vốn đối ứng Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Gia Lai	Cấp nước và vệ sinh trường học; cấp nước sinh hoạt cộng đồng;	2016-2020	166/QĐ-TTg ngày 3/2/2021; 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/9/2015; 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016	220,126	31,948	172,414	11,332	71,174	4,574			Vốn đối ứng ODA		
4	Vốn đối ứng Dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) tỉnh Gia Lai	Chư Sê, Phú Thiện, Krông Pa, Kbang, Đăk Pơ, Ia Grai	Sửa chữa, nâng cấp 08 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	127630	6,527	53,450	4,000	74,056	2,528			Vốn đối ứng ODA		
5	Vốn đối ứng Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Gia Lai (VnSAT)	Gia Lai	Đầu tư CSHT kết nối để phát triển ngành cà phê bền vững	2016-2022	2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020; 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/15; 4229/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/15; 219/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	192,852	76,771	84,768	24,536	59,111	18,724			Vốn đối ứng ODA		
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									690,000	563,000	-	-			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
1	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	Gia Lai	Trồng rừng sản xuất theo QĐ 38/2016/QĐ-TTg 11.000ha; trồng rừng phòng hộ 850ha; chăm sóc rừng trồng sản xuất năm 2018, 2019, 2020: 5.655,5ha; chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2021-2024; làm đường lâm sinh 100km; hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững 10.736ha	2021-2024	314/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	424,000	33,000			160,000	33,000			NSTW 127 tỷ đồng, NSDP 33 tỷ đồng, vốn cộng đồng tham gia đối ứng 264 tỷ đồng
2	Đầu tư xây dựng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Kbang	Xây dựng nhà bảo tàng trưng bày mẫu động thực vật 150m ² ; Xây dựng kè chắn dài 200m; xây dựng đường và hệ thống điện vào các trạm quản lý bảo vệ rừng; Cải tạo vườn hoa, khuôn viên, hồ điều hòa kết hợp PCCC; Xây dựng vườn thực vật 100ha; Hệ thống phát hiện mất rừng, cảnh báo cháy rừng; Xây dựng sa bàn và đường diễn giải môi trường; Xây dựng logo KBTTN Kon Chư Răng; Điều tra tổng thể đa dạng sinh học và Báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học KBTTN Kon Chư Răng; Trang thiết bị Văn phòng □	2022-2024	405/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	45,000	30,000			30,000	30,000			TMĐT dự án 45 tỷ đồng, trong đó NSDP 30 tỷ đồng, nguồn dịch vụ môi trường rừng 15 tỷ đồng
3	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Các huyện, thị xã, thành phố	Đầu tư đường thôn, đường liên thôn, đường ngõ xóm, đường hẻm khu dân cư, đường giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng	2021-2025	280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	1,000,000	500,000			500,000	500,000			Tổng kinh phí thực hiện chương trình 1.000 tỷ đồng, NST 500 tỷ đồng, ngân sách huyện, xã, huy động nhân dân và các nguồn hợp pháp khác 500 tỷ đồng
VI.2	Giao thông									907,854	640,369	-	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									417,854	150,369	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số		NSDP	Trong đó	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	Vốn đối ứng Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - tiểu dự án tỉnh Gia Lai	Pleiku, Chư Prông, Chư Păh	Hợp phần 1: Cải thiện kết nối đường bộ Hợp phần 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng hậu cần và quản lý giao thông Hợp phần 3: Phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực thể chế	2017-2022	739/QĐ-TTg ngày 29/4/2016; 734/QĐ-UBND ngày 28/7/2016; 1039/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	508,300	48,300	74,408	26,108	289,677	22,192			Vốn đối ứng ODA		
2	Chỉnh trang đô thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	Mở rộng Quảng trường, sân vận động, đường giao thông, hệ thống thoát nước	2019-2021	1035/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	50,000	50,000	21,000	21,000	24,000	24,000					
3	Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Đoạn Km0-Km0+931m và Km1+591-Km2+850m; L=2.190m; Bn=30m; Bm=21m (kể cả dải phân cách rộng 3m); via hè rộng 4,5x2=9m (trong đó lát gạch 1,5mx2=3m); hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và hệ thống điện chiếu sáng. Đoạn Km0+931-Km1+591m, L=660m: Bổ sung dải phân cách giữa rộng 3m và các hạng mục phụ	2019-2021	1034/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	88,000	88,000	47,009	47,009	32,791	32,791					
4	Đường Tỉnh 662B (xã Ia Ake - Chư A Thai, huyện Phú Thiện đi huyện Ia Pa), tỉnh Gia Lai.	Phú Thiện	L=23,42Km, Bn=6,5m; Bm=5,5m mặt đường BTXM	2019-2021	927/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	148,000	148,000	74,854	74,354	58,146	58,146					
5	Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai	Pleiku, An Khê	Hạ tầng khu du lịch Biển Hồ: Xây dựng đường trục chính đến khu du lịch và đường trục chính trong khu du lịch Lâm viên Biển Hồ gồm 3 tuyến với tổng chiều dài 5.296,81m. Hệ thống đường giao thông vào khu di tích lịch sử văn hóa Tây Sơn Thượng Đạo tỉnh Gia Lai gồm 4 tuyến đường với tổng chiều dài 2.479,81m.	2018-2022	1012/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 930/QĐ-UBND ngày 24/9/2019;	106,933	50,240	83,000	37,000	13,240	13,240					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025								250,000	250,000	-	-		
1	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	Thông tuyến đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Bệnh viện đến đường Vành đai 1 - giai đoạn 2) dài 843m; Bn=22,5m; Bm=7,5m; dải phân cách 2m; vỉa hè 13m. Đường quy hoạch từ ngã tư Ngô Quyền - Nguyễn Văn Trỗi đến đường Vành đai 1 dài 983m; Bn=30m; Bm=21m; vỉa hè 9m. Đường quy hoạch từ đường Vành đai 1 đến đường Ngô Quyền dài 948m; Bn=15,5m; Bm=7,5m; vỉa hè 8m. Hệ thống thoát nước	2022-2024	386/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	130,000	130,000		130,000	130,000				
2	Cải tạo nút giao thông Phù Đổng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Xây dựng nút giao thông Phù Đổng theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của UBND thành phố Pleiku về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ nút giao thông Phù Đổng thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư đường Lê Duẩn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2022-2024	401/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	120,000	120,000		120,000	120,000				
(3)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025								240,000	240,000	-	-		
1	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Xây dựng tuyến đường dài 3,1km; nền đường rộng 50m, chiều rộng mặt đường 24m, dải phân cách rộng 5m, vỉa hè rộng 21m; cầu BTCT dài 12m, rộng 50m; công trình thoát nước và hệ thống an toàn giao thông	2024-2026	396/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	190,000	190,000		120,000	120,000				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
2	Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Khê	Đường Trần Quốc Toàn L=2,2Km; Bn=20m; Bm=10,5m (kê cả đan rãnh), vỉa hè 9,5m. Đường Tôn Đức Thắng L=1,8Km; Bn=34m; Bm=14,5m, dải phân cách 2m, vỉa hè 17,5m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2024-2026	349/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	120,000	120,000			60,000	60,000			
3	Đường nội thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Chư Sê	Xây dựng 04 tuyến đường nội thị trấn Chư Sê: Đường Đinh Tiên Hoàng L=1,8km; Bn=16m; Bm=7m; vỉa hè rộng 9m. Đường Trần Khánh Dư L=1,55km; Bn=24m; Bm=10,5m; vỉa hè rộng 13,5m. Đường Lê Duẩn L=0,56km; Bn=24m; Bm=10,5m; vỉa hè rộng 13,5m. Đường Âu Cơ L=0,42km; Bn=16m; Bm=7m; vỉa hè rộng 9m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2024-2026	351/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	120,000	120,000			60,000	60,000			
VI.3	Du lịch									17,000	17,000	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									17,000	17,000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số		NSDP	Trong đó	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu, công nghệ thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu ngành du lịch	Gia Lai	Khảo sát hiện trạng hạ tầng phần cứng, ứng dụng CNTT trong lĩnh vực du lịch tại các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp du lịch; xây dựng công nghệ thông tin du lịch tỉnh Gia Lai; xây dựng bản đồ du lịch; xây dựng ứng dụng du lịch trên điện thoại di động; chuẩn hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung lĩnh vực du lịch của tỉnh; Xây dựng phần mềm quản lý chuyên ngành; xây dựng phần mềm báo cáo, thống kê số liệu về du lịch; tích hợp dữ liệu bản đồ với các dữ liệu du lịch như cơ sở lưu trú, khu, điểm du lịch và đồng bộ với một số nội dung khác	2021	309/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 497/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	17,000	17,000			17,000	17,000					
VI.4	Công nghệ thông tin									225,000	225,000	-	-			
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									225,000	225,000	-	-			
1	Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số	Gia Lai	Đầu tư trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng; đầu tư cơ sở hạ tầng và xây dựng nền tảng, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ đô thị thông minh; đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử, chính quyền số	2021-2024	304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 498/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	140,000	140,000			140,000	140,000					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSDP					NSDP		Trong đó	
														Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
2	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh, xây dựng cơ sở dữ liệu, dịch vụ đô thị thông minh thuộc Đề án “Xây dựng thành phố pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”	Pleiku	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh của thành phố Pleiku; hệ thống ứng dụng dành cho người dân citizen app; hệ thống camera an ninh; hệ thống giám sát đảm bảo an toàn thông tin SOC; hệ thống quản lý trong lĩnh vực đô thị, tiết kiệm năng lượng	2021	313/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 487/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	27,000	15,000			15,000	15,000			Vốn ngân sách tỉnh 15 tỷ đồng; ngân sách thành phố đối ứng 12 tỷ đồng.	
3	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia ở tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000, thành lập bản đồ địa hình cập nhật chính xác về hiện trạng địa hình và địa vật ở tỷ lệ 1/2.000 cho thành phố Pleiku, thị xã An Khê và một phần thị xã Ayun Pa; bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 trên phạm vi đô thị trung tâm huyện, phục vụ cho các nhiệm vụ của tỉnh. Nâng cao khả năng kết nối liên thông, chia sẻ, trao đổi, tích hợp thông tin giữa các thành phần trong hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường, giữa hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường với các hệ thống thông tin của các Sở ban ngành khác trên địa bàn tỉnh.	2022-2024	370/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	70,000	70,000			70,000	70,000				
(3)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025														
V1.5	Khu công nghiệp và khu kinh tế									6,280	6,280	6,280	-		
(1)	Dự án hoàn thành trước 2021									6,280	6,280	6,280	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số		NSDP	Trong đó	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	Quốc môn và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Công quốc môn, hạ tầng kỹ thuật giao thông và hệ thống điện	2016-2018	850/QĐ-UBND ngày 15/8/2018	41,150	6,280			6,280	6,280	6,280		Dự án phê duyệt quyết toán tại QĐ 686/QĐ-UBND ngày 29/7/2020		
VI.6	Quy hoạch									47,283	47,283	-	-			
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									32,783	32,783	-	-			
1	Lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050	Gia Lai		2020-2022	1015/QĐ-TTg ngày 14/7/2020; 1148/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	71,661	58,196	25,000	25,000	32,783	32,783			Vốn NSNN 58.195,664 triệu đồng; Vốn xã hội hóa 13.465,715 triệu đồng		
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									14,500	14,500	-	-			
1	Lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045	Đức Cơ		2022		5,000	5,000			5,000	5,000					
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Đức Cơ		2023		1,500	1,500			1,500	1,500					
3	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku	Pleiku		2021-2022		7,000	7,000			7,000	7,000					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
4	Quy hoạch chi tiết di tích lịch sử chiến thắng Plei Me và di tích lịch sử Đường 7 - Sông Bờ	Chư Prông, Ayun Pa		2022		1,000	1,000			1,000	1,000			
VI.7	Công trình công cộng									4,200	4,200	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									4,200	4,200	-	-	
1	Cải tạo, xây dựng hệ thống điện khu vực quảng trường Đại Đoàn Kết	Pleiku	Di dời trạm biến áp 800kV công viên Lý Tự Trọng; nâng công suất 02 trạm biến áp từ 320kV lên 630kV (trạm biến áp Lý Tự Trọng và trạm biến áp Lê Lợi); xây dựng mới 02 tủ hạ áp công suất 400kVA; 02 tủ hạ áp công suất 250kVA; xây dựng mới 02 tủ dao cách ly và 01 tủ liên lạc; xây dựng mới đường dây 0.4 cấp điện cho các tủ điện; các phụ kiện có liên quan	2022	404/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	4,200	4,200			4,200	4,200			
VI.8	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã									100,000	100,000	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									100,000	100,000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
-	Chi cho Ngân hàng chính sách			2021-2025					100,000	100,000				
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập								66,511	66,511	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025								6,511	6,511	-	-		
1	Trụ sở thị trấn Nhon Hòa, huyện Chư Pưh	Chư Pưh	Nhà cấp III; 3 tầng DTXD 280,6m ² ; DTS 678,82m ² ; thiết bị, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2020	203/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7,000	7,000	489	489	6,511	6,511			
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025								60,000	60,000	-	-		
1	Trụ sở Huyện ủy, UBNDTTQ và các đoàn thể huyện Đak Đoa.	Đak Đoa	Trụ sở Huyện ủy 03 tầng, DTS 1.200m ² Trụ sở UBNDTTQ và các đoàn thể 03 tầng DTS 750m ² Các hạng mục phụ	2022-2024	373/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	33,300	20,000			20,000	20,000			NST 20 tỷ đồng, ngân sách huyện 13,3 tỷ đồng bố trí năm 2022
2	Trụ sở UBND huyện Chư Păh	Chư Păh	Nhà làm việc 4 tầng DTS 1.800m ² , các hạng mục phụ, hạ tầng kỹ thuật	2024-2025	356/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	24,000	20,000			20,000	20,000			NST 20 tỷ đồng, NS huyện 4 tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
3	Trụ sở HĐND và UBND huyện Kông Chro	Kông Chro	Nhà làm việc 4 tầng DTS 1.800m2, các hạng mục phụ, hạ tầng kỹ thuật	2024-2025	357/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	24,000	20,000			20,000	20,000			NST 20 tỷ đồng, NS huyện 4 tỷ đồng
VIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									231,826	231,826	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									231,826	231,826	-	-	
1	Vốn đối ứng cho các dự án ODA dự kiến khởi công mới									231,826	231,826			
A.2	VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ									2,140,000	2,140,000			Chi tiết tại phụ lục 1
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT									7,200,000	6,200,000	-	-	
B.1	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỈNH									4,806,440	3,806,440	-	-	
	<i>Dự phòng 10%</i>									<i>380,644</i>	<i>380,644</i>			
	<i>Phân bổ cho các dự án 90%</i>									<i>4,425,796</i>	<i>3,425,796</i>	-	-	
B.1.1	Vốn CBĐT các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030									10,000	10,000			Chuẩn bị đầu tư các dự án Bệnh viện thành phố Pleiku; Nút giao thông ngã ba Hoa Lư ...

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số		NSDP	Trong đó	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
B.1.2	Đầu tư các ngành, lĩnh vực								4,118,314	3,118,314	-	-				
I	Y tế, dân số và gia đình								120,000	20,000	-	-				
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025								120,000	20,000	-	-				
1	Xây dựng bệnh viện 331	Pleiku	Quy mô 200 giường bệnh	2024-2026	417/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	300,000	300,000		120,000	20,000			Giai đoạn 2021-2025 bố trí 100 tỷ vốn xổ số kiến thiết, 20 tỷ tiền sử dụng đất			
II	Văn hóa, thông tin								220,000	220,000	-	-				
II.1	Văn hóa								220,000	220,000	-	-				
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025								220,000	220,000	-	-				
1	Nhà hát, trung tâm triển lãm văn hóa, nghệ thuật và thư viện tổng hợp tỉnh Gia Lai	Pleiku	Quy mô nhà hát dự kiến 1.000 chỗ ngồi, hoàn thiện các phòng chức năng, các phòng phụ trợ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9369:2012; tích hợp thư viện, không gian trưng bày triển lãm, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2022-2024	413/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	200,000	200,000		200,000	200,000						
2	Hạ tầng di tích Tây Sơn Thượng Đạo	Gia Lai	Nhánh 1: Đường từ khu di tích Vườn mít - cánh đồng cỏ Hâu đến Vườn thực nghiệm Asean L=7,73Km; Nhánh 2: đường vào Hòn đá ông Nhạc L=0,57Km; Nhánh 3: đường vào Khu sinh thái đôi thông Hà Tam L=1,07Km	2021	318/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 481/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	20,000	20,000		20,000	20,000						
III	Bảo vệ môi trường								495,979	495,979	-	-				
III.1	Tài nguyên								495,979	495,979	-	-				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									450,979	450,979	-	-	
1	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai.	Các huyện, thị xã, thành phố	Đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1,316,321	1,316,321	97,561	97,561	450,979	450,979			
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									45,000	45,000	-	-	
1	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	Thực hiện đối với 40 sông, 106 suối và 61 hồ là khu vực cắm mốc bảo vệ nước mặt tỉnh Gia Lai đã được công bố, cụ thể: Hồ chứa tự nhiên phải cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước 57 hồ, hồ chứa nước thủy lợi 04 hồ (danh mục tại Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 03/5/2017)	2023-2024	374/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	53,000	45,000			45,000	45,000			TMĐT dự án 53 tỷ đồng, vốn NST 45 tỷ đồng, 8 tỷ đồng nguồn thu tiền cấp quyền khai thác TNN
IV	Các hoạt động kinh tế									2,960,624	2,060,624	-	-	
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									633,724	633,724	-	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									9,411	9,411	-	-	

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số		NSDP	Trong đó	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	Hồ chứa nước Tàu Dầu 2, huyện Đắk Pơ, tỉnh Gia Lai	Đắk Pơ	Xây dựng hệ thống hồ chứa nước dung tích hữu ích 3,737 triệu m ³ gồm cụm công trình đầu mối, hệ thống kênh và công trình trên kênh chính, kênh nhánh và các công trình phụ trợ	2018-2021	986/QĐ-UBND ngày 25/9/2018; 304/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	197,000	29,320	166,047	19,909	9,411	9,411					
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									624,313	624,313	-	-			
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia	Các huyện, thị xã, thành phố		2021-2025						624,313	624,313					
IV.2	Giao thông									2,294,900	1,394,900	-	-			
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									1,929,900	1,029,900	-	-			
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	Pleiku, Đak Đoa, Chư Păh	L= 16km, Bn= 30m; Bm= 21m (bao gồm đan rãnh), dải phân cách rộng 3m; vỉa hè rộng 3m x 2=6m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng, cây xanh và các hạng mục phụ	2022-2025	350/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	1,200,000	300,000			1,200,000	300,000			Dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển NSTW 900 tỷ đồng, NSDP 300 tỷ đồng		
2	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	L= 3,61Km; Bn=30m; Bm= 21m (kê cả dải phân cách rộng 2m); hệ thống thoát nước, an toàn giao thông và các hạng mục phụ	2021-2022	317/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	124,000	124,000			124,000	124,000					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
3	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Khê	Tổng chiều dài tuyến L=1623,56m; đường đô thị cấp III; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2021-2022	335/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	30,000	30,000			30,000	30,000			
4	Thông tuyến đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Bệnh viện đến đường vành đai 1), thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	L= 817m, Bn= 9,5m, Bm= 7,5m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021	328/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 97/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	14,900	14,900			14,900	14,900			
5	Đường Phan Đình Phùng, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Chư Sê	L=870m; Bn=24m; Bm=15m; hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2021-2022	319/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 477/QĐ-UBND ngày 20/05/2021	30,000	30,000			30,000	30,000			
6	Đường liên xã Phú Cần – Ia Rmok, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	Tuyến đường gồm 2 nhánh tổng chiều dài L= 1,89km; Bm=5,5m; Bn=7,5m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021	329/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 96/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	10,000	10,000			10,000	10,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
7	Đường Phan Bội Châu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Hạng mục: Cầu bê tông cốt thép và các hạng mục phụ)	Chư Prông	Tuyến đường dài 140,7m, Bn=9m; Bm=7m; trong đó có 01 cầu bê tông cốt thép dài 34,7m rộng 10m, và các hạng mục phụ	2021-2022	320/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 98/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	14,500	14,500			14,500	14,500			
8	Đường giao thông trục xã Ia Hiao, Ia Peng, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	L=7,73km, đường giao thông nông thôn cấp A và cấp B; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2021-2022	326/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 493/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	21,000	21,000			21,000	21,000			
9	Đường liên xã Ia Băng – Ia Pết, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	Công trình cấp A giao thông nông thôn L=9,1Km; hệ thống thoát nước và an toàn giao thông	2021-2022	323/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 492/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			
10	Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	L=2.795,5m; Bn=20m; Bm=10,5m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021-2022	325/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 490/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	55,000	55,000			55,000	55,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
11	Đường vào làng Dê Kôn, xã H'ra, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	L=6,6Km; Bm=3,5 - 5,5m (Bm=5,5m áp dụng cho đoạn đông dân cư Km0+Km3+700); Bn=5-6,5m (Bn=6,5m áp dụng cho các đoạn có gia cố rãnh dọc). Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021-2022	321/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 489A/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	34,000	34,000			34,000	34,000			
12	Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Chư Păh	L=3,03Km; mặt đường rộng 21m; dài phân cách 2m; vỉa hè rộng 2x5=10m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021-2024	332/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	90,000	90,000			90,000	90,000			
13	Đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương), huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	Đăk Pơ	L=1,41km, mặt đường rộng 17,6m kê cả giải phân cách rộng 2m, rãnh thoát nước rộng 0,3mx2=0,6m, nền đường rộng Bn= 25m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021-2022	334/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 483/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	23,000	23,000			23,000	23,000			
14	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Dok, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005; L=4,3km. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021-2022	333/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	59,000	59,000			59,000	59,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
15	Đường liên xã Ia Dêr - Ia Bả, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	Đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005 L=9,75Km. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021-2022	322/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 453/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	50,000	50,000			50,000	50,000			
16	Đường quy hoạch giao thông Đ2; Đ3 kết hợp kênh mương thoát nước, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	Xây dựng 02 tuyến đường Đ2, Đ3 với tổng chiều dài 541,25m; xây dựng kênh mương thoát nước giữa hai tuyến đường Đ2, Đ3	2021-2022	324/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 99/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	14,500	14,500			14,500	14,500			
17	Đường liên xã phía Đông sông Ba, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	Tổng chiều dài tuyến L=14,1km, đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021-2022	327/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 494/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	30,000	30,000			30,000	30,000			
18	Đường phía Đông thị trấn Nhon Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	L=6.582,33m; Bn= 9,5m; Bm=7,5m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2021-2023	331/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	70,000	70,000			70,000	70,000			
19	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	Xây dựng 07 tuyến đường nội thị tổng chiều dài 4.680m	2023-2025	412/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	40,000	40,000			40,000	40,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025								365,000	365,000	-	-		
1	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ trường Chính trị đến trường Lâm Nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Xây dựng tuyến đường dài L=4,1Km, nền đường rộng 30m, mặt đường rộng 19m; dải phân cách rộng 2m, vỉa hè rộng 4,5x2=9m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2024-2026	387/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	160,000	160,000		50,000	50,000				
2	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	Đường vành đai thị trấn Kông Chro dài 5,7km; Bn=9m; Bm=7m; lề đường rộng 2m. Đường Nguyễn Trãi dài 1,1km; Bn=25m; Bm=15m; vỉa hè rộng 10m. Đường quy hoạch D7 dài 0,326km; Bn=11,5m; Bm=6m; vỉa hè rộng 5,5m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2024-2026	360/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	90,000	90,000		45,000	45,000				
3	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	Đường Tô Vĩnh Diện L= 0,66km; Bn=16m; Bm=7m; vỉa hè 9m. Đường Trần Hưng Đạo L= 0,925km; Bn=17,5m; Bm=10,5m; vỉa hè 7m. Đường quy hoạch D2 L=1,25km; Bn=30m; Bm=14m; vỉa hè 16m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2024-2026	355/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	80,000	80,000		40,000	40,000				
4	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Chư Prông	Xây dựng 09 tuyến đường nội thị với tổng chiều dài 7.874m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2024-2026	426/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	75,000	75,000		40,000	40,000				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
5	Đường giao thông huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	Xây dựng 07 tuyến đường nội thị trong khu trung tâm hành chính huyện Đak Đoa với tổng chiều dài 3,522km; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2024-2026	382/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	70,000	70,000			30,000	30,000			
6	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	Đường A1 vào cụm công nghiệp huyện L= 2,1km; Bn=9m; Bm=7m; cầu BTCT rộng 9m Đường vào xã Chư A Thai L=1,07km; Đường vào xã Ia Yeng L= 1,3km; Đường vào xã Ia Piar L= 1,8km; Đường vào xã Ia Sol L= 2km; đường cấp V miền núi theo TCVN 4054-2005. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2024-2026	395/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	70,000	70,000			30,000	30,000			Tùy theo khả năng cân đối vốn hàng năm, cho phép bố trí vốn từ năm 2022
7	Đường liên xã huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	Đăk Pơ	Xây dựng các tuyến đường liên xã và hệ thống thoát nước, an toàn giao thông: Đường từ thị trấn Đăk Pơ đi xã Yang Bắc, Tân An L=5,6Km, cấp A đường GTNT Đường liên xã Tân An, Yang Bắc đi Đông Trường Sơn L=11,2Km; cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005 Đường từ núi Đá lửa thôn An Định, xã Cư An đến xã Kông Long Khong, huyện Kbang L=3,3km; cấp A đường GTNT	2024-2026	354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	70,000	70,000			30,000	30,000			
8	Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	Xây dựng 5 tuyến đường nội thị có tổng chiều dài 5470m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2024-2026	422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	66,000	66,000			30,000	30,000			Tùy theo khả năng cân đối vốn hàng năm, cho phép bố trí vốn từ năm 2023

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
9	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	Xây dựng 08 tuyến đường nội thị có tổng chiều dài 5.204m;	2024-2026	397/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	60,000	60,000			30,000	30,000			
10	Nâng cấp, mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	L=1,95Km, Bm= 10,5m; Bn=17,5m, vỉa hè rộng 3,5x2=7m	2025-2026	361/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	35,000	35,000			15,000	15,000			
11	Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	Đường quy hoạch N1 L=1.100m; Bn=20m; Bm=10,5m; Đường quy hoạch D2 L=720m; Bn=14m; Bm=7,5m; Đường quy hoạch D3 L=740m; Bn=14m; Bm=7,5m	2025-2026	393/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	35,000	35,000			15,000	15,000			
12	Đường nội thị huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai	Chư Puh	Xây dựng Đường Quang Trung và đoạn kết nối vào Quốc lộ 14 dài L=2,06Km; Bn=10m; Bm=7,5m; hệ thống thoát nước; an toàn giao thông.	2025-2026	424/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20,000	20,000			10,000	10,000			Tùy theo khả năng cân đối vốn hàng năm, cho phép bố trí vốn từ năm 2023
IV.3	Cấp nước, thoát nước									32,000	32,000	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									32,000	32,000	-	-	
1	Cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Xây dựng trạm nước thô khai thác nước sông Sê San công suất 3200m ³ /ngày đêm (lắp đặt thiết bị công suất 1.600m ³ /ngày đêm); xây dựng mới tuyến ống dẫn nước thô dài 8,544Km; xây dựng trạm biến áp, bể chứa nước sạch 600m ³ ; hoàn chỉnh các hạng mục phụ trợ	2021	305/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 476/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	32,000	32,000			32,000	32,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.									321,711	321,711	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									321,711	321,711	-	-	
1	Bổ sung có mục tiêu để thành phố Pleiku xây dựng Trụ sở HĐND-UBND thành phố Pleiku	Pleiku		2023-2025						40,000	40,000			
2	Khu trụ sở làm việc các cơ quan cấp tỉnh	Pleiku	Xây dựng mới nhà làm việc các cơ quan cấp tỉnh DTXD 2.764m ² ; DTS 15.166m ² Cải tạo khối nhà làm việc các cơ quan cấp tỉnh hiện có DTXD 1.592m ² ; DTS 10.095m ² Các hạng mục phụ, hạ tầng kỹ thuật	2022-2024	372/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	240,000	240,000			240,000	240,000			
3	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Gia Lai	Pleiku	Nhà thiếu nhi DTS 1.150m ² ; trang thiết bị và các hạng mục khác	2024-2025	348/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
4	Trạm kiểm dịch động vật Song An và các trạm quản lý bảo vệ rừng, trạm kiểm lâm	Gia Lai	+ Trạm kiểm dịch động vật Song An (thị xã An Khê): 1 tầng; DTXD: 110 m ² ; nhà nuôi nhốt, giếng khoan và các hạng mục phụ. + Trạm quản lý bảo vệ rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Ia Tul, huyện Ia Pa: 1 tầng; DTXD: 95 m ² ; giếng khoan và các hạng mục phụ. + Trạm quản lý bảo vệ rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhon, huyện Chư Pưh: 1 tầng; DTXD: 95 m ² ; giếng khoan và các hạng mục phụ.	2021	336/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 95/QĐ-SKHĐT ngày 28/05/2021	5,711	5,711			5,711	5,711			
5	Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ	Krông Pa, Chư Pah, Đak Đoa	- Trụ sở BQL RPH Ia Rsai: Nhà làm việc 01 tầng, DTXD 320m ² ; nhà công vụ 01 tầng DTXD 130m ² , các hạng mục phụ - Trụ sở BQL RPH Ia Ly: Nhà làm việc 02 tầng, DTXD 195m ² DTS 380m ² và các hạng mục phụ - Trụ sở BQL RPH Đak Đoa: Nhà làm việc 2 tầng, DTXD 190m ² , DTS 350m ² ; Nhà ở công vụ 1 tầng DTXD 130m ² , các hạng mục phụ	2022-2023	406/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	12,000	12,000			12,000	12,000			
6	Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa	Đak Đoa	+ Nhà làm việc 1 tầng DTXD 296m ² . + Nhà công vụ 1 tầng DTXD: 150 m ² . + Các hạng mục phụ, hạ tầng kỹ thuật	2022	383/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	4,000	4,000			4,000	4,000			
B.1.3	Tiền sử dụng đất của tỉnh điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố đầu tư									297,482	297,482			
B.2	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ									2,393,560	2,393,560			Chi tiết tại phụ lục 2

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
I	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất								309,037	309,037			Các huyện, thị xã, thành phố nộp về ngân sách tỉnh để thực hiện Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	
II	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư								2,084,523	2,084,523				
C	XỐ SỐ KIẾN THIẾT								814,000	794,000	-	-		
	<i>Dự phòng 10%</i>								79,400	79,400				
	<i>Phân bổ 90%</i>								734,600	714,600	-	-		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp								158,500	158,500	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025								158,500	158,500	-	-		
1	Trường THPT Phan Bội Châu, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Nhà học 12 phòng 04 tầng DTXD 457m ² ; DTS 1.708m ² ; thiết bị nhà học 12 phòng; các hạng mục phụ	2021	306/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 94/QĐ-SKHĐT ngày 28/5/2021	14,000	14,000		14,000	14,000				
2	Trường THPT Lý Thường Kiệt, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	Nhà học bộ môn 03 tầng DTXD 420m ² , DTS 1205m ² ; trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; các hạng mục phụ	2021	307/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 92/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021	10,000	10,000		10,000	10,000				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
3	Trường THPT Hoàng Hoa Thám, thành phố Pleiku	Pleiku	Nhà học 12 phòng + 2 phòng chức năng; 03 tầng DTXD 540m ² , DTS 1.614m ² ; thiết bị và các hạng mục phụ	2022	363/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	11,000	11,000			11,000	11,000			
4	Trường THPT Nguyễn Khuyến, thị xã An Khê (xây dựng mới)	An Khê	Nhà học hiệu bộ 2 tầng DTXD 300m ² DTS 612m ² ; Nhà học lý thuyết, nhà học bộ môn, thư viện 03 tầng DTXD 820m ² ; DTS 2.591m ² ; trang thiết bị và các hạng mục phụ.	2022-2023	371/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	28,000	28,000			28,000	28,000			
5	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ, huyện Đức Cơ	Đức Cơ	Nhà học bộ môn, nhà học lý thuyết 03 tầng DTXD 480m ² , DTS 1.420m ² ; trang thiết bị và các hạng mục phụ	2023	366/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	10,000	10,000			10,000	10,000			
6	Trường THPT Nguyễn Du, huyện Krông Pa	Krông Pa	Nhà học bộ môn 02 tầng DTXD 370m ² ; DTS 734m ² ; trang thiết bị và các hạng mục phụ	2023	362/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	6,000	6,000			6,000	6,000			
7	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh, thành phố Pleiku	Pleiku	Nhà học bộ môn 03 tầng DTXD 370m ² , DTS 1.006m ² ; trang thiết bị dạy và học; các hạng mục phụ	2023	367/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	8,000	8,000			8,000	8,000			
8	Trường THPT Trường Chinh, huyện Chư Sê	Chư Sê	Nhà hiệu bộ 02 tầng DTXD 370m ² ; DTS 800m ² ; các hạng mục phụ	2024	365/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	6,000	6,000			6,000	6,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
9	Trường THPT Lê Quý Đôn, huyện Chư Prông	Chư Prông	Nhà học lý thuyết 03 tầng DTXD 405m ² , DTS 1260m ² ; cầu nối giữa các phòng chức năng; Trang thiết bị dạy và học, các hạng mục phụ	2022-2023	369/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	10,500	10,500			10,500	10,500			
10	Trường THPT A Sanh huyện Ia Grai	Ia Grai	Nhà học 10 phòng 02 tầng DTXD 540m ² , DTS 1.076m ² ; trang thiết bị dạy và học; các hạng mục phụ	2025	364/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	8,000	8,000			8,000	8,000			
11	Đầu tư hệ thống giáo dục thông minh	Pleiku	Đầu tư trang bị phòng học tiên tiến cho các trường THPT; hệ thống camera giám sát các vị trí xung yếu, thiết bị tích hợp, truyền tải thông tin từ trường, trung tâm về Trung tâm điều hành tỉnh; Phần mềm kết nối điều hành thông minh	2021	308/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 485/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	18,000	18,000			18,000	18,000			
12	Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến)	Pleiku	Trang bị 08 phòng học đa phương tiện; 08 phòng học trực tuyến, hội nghị truyền hình; trang bị hệ thống phần mềm E-learning, đào tạo trực tuyến, kho học liệu bài học, bài giảng	2022-2023	358/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	29,000	29,000			29,000	29,000			UBND tỉnh đánh giá hiệu quả sử dụng của phòng học thông minh, phòng học đa phương tiện đã được đầu tư và bố trí vốn để đầu tư thí điểm 01 phòng học trực tuyến, hội nghị truyền hình, báo cáo hiệu quả sử dụng cho Trường trực HĐND tỉnh, HĐND tỉnh để xem xét việc đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn hàng năm
II	Y tế, dân số và gia đình									442,000	422,000	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									202,000	202,000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
1	Đầu tư trang thiết bị y tế các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện	Gia Lai	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Nhi; Bệnh viện 331; TTYT thị xã An Khê; TTYT thị xã Ayun Pa; TTYT huyện Kbang; TTYT huyện Phú Thiện	2021	311/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 484/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	40,000	40,000			40,000	40,000			
2	Trung tâm y tế thị xã An Khê	An Khê	Khoa ngoại tổng hợp: nhà 2 tầng DTXD 550m ² ; DTS 1096m ² ; cải tạo sửa chữa phòng mổ; cải tạo sửa chữa khu khám bệnh cũ; thiết bị; hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2021	310/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 475/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	18,000	18,000			18,000	18,000			
3	Trung tâm y tế huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	Khoa khám bệnh 02 tầng DTXD 500m ² ; DTS 1000m ² Khoa dược 02 tầng DTXD 200m ² ; DTS 400m ² Các hạng mục phụ, trang thiết bị y tế, hệ thống xử lý chất thải y tế	2022-2023	380/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			
4	Trung tâm y tế huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	Khoa ngoại sản 02 tầng DTXD 410m ² ; DTS 830m ² Khoa nội nhi nhiễm 02 tầng DTXD 480m ² ; DTS 960m ² Trang thiết bị y tế; Các hạng mục phụ	2022-2023	381/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			
5	Trung tâm y tế thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Khu điều trị nội trú trung tâm DTXD: 250m ² , DT sàn: 520 m ² ; Khu điều trị nội nhi DTXD: 480 m ² , DT sàn: 960 m ² ; Khu phòng mổ DTXD: 270 m ² , DT sàn: 550 m ² ; Cải tạo mở rộng khoa dược DTXD: 340 m ² ; Hệ thống PCCC, tháo dỡ hiện trạng và các hạng mục phụ.	2022-2023	409/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
6	Trang thiết bị bệnh viện vệ tinh ung bướu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Pleiku	01 máy Gia tốc tuyến tính đa năng lượng (máy xạ trị)	2023-2024	420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	60,000	60,000			60,000	60,000			Tùy theo khả năng cân đối vốn hàng năm, cho phép bố trí vốn từ năm 2022
7	Đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Pleiku	Đầu tư xây dựng mới 02 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế, công nghệ xử lý không đốt (vi sóng). Công suất mỗi hệ thống 45-50kg/giờ	2022-2023	419/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	24,000	24,000			24,000	24,000			
(3)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025									240,000	220,000	-	-	
1	Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi	Pleiku	Quy mô 200 giường bệnh	2024-2026	384/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	200,000	200,000			100,000	100,000			
2	Trung tâm y tế huyện Kbang	Kbang	Quy mô 150 giường bệnh	2024-2026	418/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	110,000	100,000			20,000	20,000			NST 100 tỷ đồng, NS huyện 10 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 bố trí 20 tỷ đồng
3	Xây dựng bệnh viện 331	Pleiku	Quy mô 200 giường bệnh	2024-2026	417/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	300,000	300,000			120,000	100,000			Giai đoạn 2021-2025 bố trí 100 tỷ vốn xổ số kiến thiết, 20 tỷ tiền sử dụng đất
III	Các hoạt động kinh tế									134,100	134,100	-	-	
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									134,100	134,100	-	-	
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									134,100	134,100	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	NSDP	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Thu hồi các khoản ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia			2021-2025					134,100	134,100				
D	Bội chi ngân sách địa phương (1)								50,100	50,100				
E	Vốn xử lý hụt thu năm 2019, 2020								333,068	333,068	325,491		Chi tiết tại phụ lục 3	

Ghi chú: (1) Bằng với bội chi ngân sách địa phương năm 2021. Các năm tiếp theo sẽ được bổ sung từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương